

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGD-ST
Ngày 23 tháng 2 năm 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Giàng A Chu**

2. Ông **Lường Văn Hưởng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lục, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 2 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST-HN&GD ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bạc Thị K, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Bản X, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị K:

Bà Lường Thị T– Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Điện Biên.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn D, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Bản X, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 09/9/2020; tại bản tự khai ngày 30/10/2020 nguyên đơn chị Bạc Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Bùi Văn D lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã MĐ huyện MA, tỉnh Điện Biên vào ngày 14/03/2012. Trước khi kết hôn hai bên tự tìm hiểu, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân của anh chị hạnh phúc đầm ấm. Một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau do bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 7/2016 Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 7/2016. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện MA cho tôi được ly hôn với anh Bùi Văn D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 người con chung, cháu thứ nhất là Bạc Thị N, sinh ngày 02/12/2012, cháu thứ hai là Bạc Cẩm Nh, sinh ngày 02/12/2012. Hiện hai cháu đang sống cùng tôi tại Bản X, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Nguyện vọng của tôi là sau khi ly hôn tôi nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi Dưỡng và giáo dục hai cháu (N + Nh) cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu anh Bùi Văn D cấp Dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về: Tôi và anh D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn D; chị xin được trực tiếp nuôi Dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp Dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

*** Bị đơn:** Anh Bùi Văn D mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng anh D vẫn vắng mặt.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Bạc Cẩm N và Bạc Cẩm Nh, nguyện vọng của hai cháu muốn ở với mẹ.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:** Yêu cầu của chị K là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Bạc Thị K và anh Bùi Văn D lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 14/03/2012 tại UBND xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống, chị K và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 7/2016 đến nay chị K và anh D sống ly thân. Vợ chồng anh chị sống ly thân đã lâu, không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau, ai biết bổn phận người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữ chị K và anh D đã trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị K và tuyên bố chị K được ly hôn anh D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị K và anh D có 02 người con chung, cháu thứ nhất là Bạc Thị N, sinh ngày 02/12/2012, cháu thứ hai là Bạc Cẩm Nh, sinh ngày 02/12/2012. Hiện hai cháu đang sống cùng chị K tại Bản X, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Nguyện vọng của chị K là sau khi ly hôn tôi nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi Dưỡng và giáo dục hai cháu (N + Nh) cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Bùi Văn D cấp Dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của hai cháu N và Nh muốn ở với mẹ, đề nghị HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị K và của hai cháu về việc giao nuôi con chung cũng như cấp Dưỡng nuôi con chung.

Thứ ba: Trong quá trình chung sống, chị K và anh D không có tài sản chung, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bạc Thị K là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Bạc Thị K.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hôn nhân:** Tuyên bố chị Bạc Thị K được ly hôn anh Bùi Văn D
- **Con chung:** Giao cháu Bạc Thị N và Bạc Cẩm Nh cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi Dưỡng, giáo dục cháu đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh D không phải cấp Dưỡng nuôi con chung cùng chị Chang.
- **Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về:** Đương sự không yêu cầu.
- **Án phí:** Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự. Ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 08/10/2020, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án tiến hành tổng đạt cho bị đơn, anh Bùi Văn D không có mặt tại nhà, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn 15 ngày Bị đơn không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, Tòa án ra Thông báo hòa giải lần 2, đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và tại 02 buổi hòa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt và niêm yết Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 29/01/2021, Nguyên đơn là chị Bạc Thị K vắng mặt có lý do (Có đơn xin vắng mặt), bị đơn là anh Bùi Văn D vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 23/2/2021.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn là chị Bạc Thị K (có mặt); Bị đơn là anh Bùi Văn D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh D.

[2] Nội dung vụ án:

* **Về hôn nhân:** Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 09/9/2020; bản tự khai ngày 30/10/2020 của nguyên đơn chị Bạc Thị K; lời trình bày của chị Kg tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử thấy: Chị K và anh D lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2012 tại UBND xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống, chị K và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh Bùi Văn D không yêu thương, quan tâm chăm sóc vợ và con chung, không vun vén cho hạnh phúc gia đình. Từ tháng 7/2016 đến nay chị và anh D đã sống ly thân. Xét thấy, vợ chồng anh chị sống ly thân đã lâu, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hôn

nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Bạc Thị K. Tuyên xử cho chị Bạc Thị K được ly hôn với anh Bùi Văn D.

* **Về con chung:** Chị Bạc Thị K và anh Bùi Văn D có hai người con chung là cháu Bạc Thị N và Bạc Cẩm Nh.

Chị K có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi Dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh D cấp Dưỡng nuôi con chung.

Nguyện vọng của hai cháu muốn được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn chấp nhận nguyện vọng của chị K về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp Dưỡng nuôi con chung.

* **Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về:** Chị Kê và anh Dư không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Chị K là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị K.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bạc Thị K: Chị Bạc Thị K được ly hôn anh Bùi Văn D.

2. Về con chung: Giao hai cháu Bạc Thị N, sinh ngày 02/12/2012 và Bạc Cẩm Nh, sinh ngày 02/12/2012 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi Dưỡng, giáo

dục cháu đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Anh D không phải cấp Đồng nuôi con chung.

Thời điểm giao nuôi hai cháu N và Nh kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh D có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp Đồng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Đương sự không yêu cầu giải quyết,

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Bạc Thị K.

5. Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Chị Bạc Thị K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/2/2021). Anh Bùi Văn D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND Mường Ảng, h. Mường Ảng
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương